TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2023/HS-PT
Ngày: 20-7- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Thẩm phán: Ông: Hồ Đức Quang; Bà Trương Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 63/2023/TLPT-HS, ngày 04 tháng 5 năm 2023 do có kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Minh M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị D, Phan Văn T và kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo kháng cáo:

* Họ và tên: Phan Văn T1; sinh ngày: 10/02/1972; tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K và bà Từ Thị M1 (Đều đã chết); vợ: Phan Thị Hồng L; con: Có 01 con (sinh năm 2000); anh, chị em ruột: Có 09 người, bị cáo là con thứ 08; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 25/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo** Phan Văn T1**:**

1. Ông Văn Trường C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư thành phố H – Số H, ngõ B, phố T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư thành phố H – Số H, ngõ B, phố T, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị hại kháng cáo*: Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý cho bị hại: Ông Nguyễn Xuân H - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:**

1. Anh Phan Xuân T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt tại phiên tòa

2. Chị Phan Thị D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Sinh viên. Có mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Anh S, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Quốc P1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Phạm Hoài T3, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

5. Anh Nguyễn Bình T4, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Phạm Ngọc C1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Chị Phan Thị D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

8. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

9. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

10. Anh Phan Mạnh L1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện chuyển cư trú tại xã P. Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh). Có mặt tại phiên tòa.

11. Ông Phan Hữu D1, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

13. Chị Phan Thị Hồng L, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

14. Chị Phạm Thị Hồng K1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

15. Chị Trần Thị N1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Ông Phan Xuân T5, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

17. Anh Phan Xuân N2, sinh năm 1856; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

18. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:**

1. Anh Nguyễn Quang P; sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa

2. Bà Ngô Thị Minh T6; sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người tham gia tố tụng khác:** Ông Trần Đình A1, sinh năm 1989; Chức vụ: Đội trưởng đội điều tra tổng hợp - Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/02/2022, anh Nguyễn Anh S tổ chức ăn uống, hát Karaoke tại nhà của mình. Tại đây, gồm có anh Phan Xuân T2, anh Trần Văn Đ1, anh Nguyễn Quốc P1, anh Nguyễn Quốc H1, anh Nguyễn Bình T4, anh Phạm Hoài T3, anh Phạm Ngọc C1, và Nguyễn Minh M, Nguyễn Quang P, chị Phan Thị D. Tại đây, P gặp M và do có mâu thuẫn từ trước nên

giữa P với M có lời nói qua lại nên xích mích, xô xát với nhau thì được mọi người can ngăn. Sau đó, M đi xuống đường thuộc khu vực trước ngõ nhà anh S, nhặt được một chiếc gậy rồi đánh trúng một cái vào hông bên trái anh P gây một vết xước da. Thấy P bị đánh nên anh T2 vào can ngăn thì bị M dùng gậy đánh trúng vào vùng hông bên trái gây một vết bầm tím da. Quá trình giằng co, P lấy được gậy từ M, sợ bị đánh trả lại nên M bỏ chạy vào trong quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị Bích N cạnh nhà anh S. Tại đây, M và P tiếp tục giằng co, P dùng gậy đánh trúng khủy tay phải, vùng thắt lưng trái của M, thấy vậy anh T2 tiếp tục vào can ngăn. Thấy M, P và anh T2 gây lộn trong quán của mình nên chị N đẩy P và anh T2 ra ngoài rồi đóng cửa lại, còn M ở lại trong quán. Thấy vậy chị D gọi điện cho bà Phan Thị Hồng L là mẹ đẻ của D thông tin về việc P bị M đánh tại nhà anh S. Cùng lúc này Phan Văn T1 là cha đẻ của D nghe được thông tin việc M dùng gậy đánh P, đồng thời trước đó có mâu thuẫn với anh M nên cầm theo một ống tuýp bằng kim loại có đường kính 02cm, dài 70cm, màu trắng sáng đến trước ngõ nhà anh S để tìm đánh M. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này chị N mở cửa quán và M đi ra ngoài rồi đi vào sân nhà anh S. T1 và M thấy nhau nên cả hai có lời nói về mâu thuẫn trước đó và chuyện P bị đánh nên thách thức, chửi bới nhau. Thấy vậy, anh S, anh Đ1, anh P1 và một số người khác đi từ sân nhà xuống ngõ để can ngăn. Lúc này, M và T1 đang tiến đến gần nhau thì T1 bị ai đó đánh một cái trúng vào vùng mặt gây ra vết thương ở cung mày phải kích thước 2,8cm x 0,3cm và bị ngã xuống đường (Chưa xác định được đối tượng cụ thể đánh gây thương tích cho T1). Ngay lúc này, T1 đứng dậy tay phải cầm ống tuýp sắt đánh một cái trúng vào vùng trán của M gây ra vết thương kích thước 06cm x 0,3cm, sau đó thì được mọi người can ngăn. Hậu quả, Phan Văn T1 bị thương đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ2 từ ngày 08/02/2022 đến ngày 15/02/2022 thì ra viện và Nguyễn Minh M bị thương cấp cứu tại Bệnh viện H3 từ ngày 08/02/2022 đến ngày 21/02/2022 thì ra viện. Anh Phan Xuân T2 và Nguyễn Quang P bị xây xát nhẹ.

** Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 88/TgT ngày 16/6/2022 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa* Sở Y*, kết luận (đối với* Nguyễn Minh M*):*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vết thương vùng trán kích thước 06cm x 0,3cm.

- Lún nhẹ bản ngoài xương sọ vùng trán phải kích thước dưới 03cm.

- Chấn động não điều trị ổn định.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT- BYT ngày 28/8/2019 Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần của Bộ Y1:

- Sẹo vết thương vùng trán phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%.

- Lún nhẹ bản ngoài xương sọ vùng trán phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%.

- Chấn động não điều trị ổn định. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.

Theo nguyên tắc cộng lùi xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 17%.

3. Kết luận khác: Thương tích do vật tày tác động vào gây nên.

** Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 89/TgT ngày 16/6/2022 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa* Sở y tế tỉnh Y*, kết luận (Đối với* Phan Văn T1*):*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vỡ xương bờ ngoài trần hố mắt bên phải.

- Gãy xương hàm dưới bên phải.

- Sẹo vết thương cung mày phải kích thước 2,8cm x 0,3cm.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần của Bộ Y1:

- Vỡ xương bờ ngoài trần hố mắt bên phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%.

- Gãy xương hàm dưới bên phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%.

- Sẹo vết thương cung mày phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.

Theo phương pháp cộng tại Thông tư, xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là: 16% (mười sáu phần trăm).

* Đối với thương tích của Phan Văn T1 quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được người nào đã thực hiện hành vi gây thương tích nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án, hành vi để tiếp tục điều tra làm rõ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phan Văn T1 phạm tội: "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 66.578.263 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng đã nộp bồi thường tại Chi cục THADS huyện H, Hà Tĩnh, bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 51.578.263 đồng. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật

chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định ngày 08/3/2023 bị hại Nguyễn Minh M kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo Phan Văn T1. Ngày 14/3/2023, bị cáo Phan Văn T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 14/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi vi phạm pháp luật đối với Nguyễn Minh M và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với hành vi gây rối trật tự công cộng của Nguyễn Minh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Nguyễn Minh M, bị cáo Phan Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị cáo không yêu cầu làm rõ thêm tình tiết gì của vụ án, đồng ý với tội danh mà HĐXX sơ thẩm đã tuyên và đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS năm 2015 không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1, bị hại Nguyễn Minh M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2 và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của người bị hại Nguyễn Minh M, bị cáo Phan Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn T1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Phan Văn T1 dùng ống bằng kim loại đánh anh Nguyễn Minh M bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 17%. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 28-02-2023 của TAND huyện Hương Sơn xét xử bị cáo Phan Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, hành vi phạm tội và nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Minh M, bị cáo Phan Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1, bị hại Nguyễn Minh M:

- Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo có anh trai Phan Xuân T5 là thương binh hạng ¾, có bố đẻ ông Phan K, mẹ vợ bà Phan Thị T7, bố vợ Phạm Hữu T8 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vợ Phan Thị Hồng L trong các năm 2013, 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở vì đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giáo dục, được cơ quan có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giáo dục giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2022, gia đình bị cáo được Ủy ban nhân dân xã S, huyện H tặng giấy khen vì đã có thành tích 03 năm liên tục đạt danh hiệu gia đình văn hóa, bị cáo đã có đóng góp kinh phí để lắp đặt camera, trồng cây bóng mát, ủng hộ trạm y tế xã mua sắm trang thiết bị tại thời điểm dịch covid 19, ủng hộ kinh phí các hoạt động, phong trào thể dục thể thao của thôn, tham gia tích cực xây dựng nông thôn mới, tham gia hiến máu tình nguyện, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết phúc thẩm bị cáo xuất trình biên lai tự nguyện nộp tiền bồi thường tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hương sơn thể hiện tại biên lai số 0004888 ngày 13/3/2023 và đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới về bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 điều 51 BLHS nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án khởi điểm của khung hình phạt 02 năm tù là đã xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên cần giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 126.495.620 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm trợ giúp viên pháp lý của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại 150.000.000 đồng.

Về các khoản chi phí bị hại xuất trình được hóa đơn chứng từ: tiền viện phí, tiền mua thuốc điều trị tổng 13.243.920 đồng. Tuy nhiên xét thấy số tiền 5.800.057 đồng đã được bảo hiểm chi trả theo quy định nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu với số tiền: 7.443.863 đồng.

Về các khoản chi phí còn lại bị hại yêu cầu không xuất trình được hóa đơn, chứng cứ hợp lệ theo quy định pháp luật, tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế HĐXX sơ thẩm đã chấp nhận các khoản chi phí điều trị tại bệnh viện đa khoa

cầu treo số tiền 700.000 đồng; tiền công chăm sóc trong quá trình điều trị tại bệnh viện là 14 ngày x 132.600 đồng/01 ngày = 1.856.400 đồng; tiền mục thực phẩm bồi dưỡng sức khỏe trong quá trình điều trị là 1.500.000 đồng; tiền ngày công lao động trong thời gian điều trị và sau khi ra viện không thể lao động được trong thời gian 30 ngày x 132.600 đồng/01 ngày = 3.978.000 đồng; tiền thuê xe dịch vụ từ nhà đến bệnh viện trong quá trình điều trị là 6.200.000 đồng; tiền dự kiến là sẹo vết thương số tiền 30.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần thời gian 10 tháng x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng.

Như vậy, căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ có tại hồ sơ và theo quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, HĐXX cấp sơ thẩm buộc bị cáo Phan Văn T1 phải bồi thường cho bị hại số tiền 66.578.263 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1, bị hại Nguyễn Minh M nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2.

Đối với thương tích của bị cáo Phan Văn T1, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã sử dụng mọi biện pháp điều tra nhưng đến nay chưa có căn cứ để xác định người nào gây thương tích cho bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ đối tượng đã thực hiện hành vi gây thương tích cho bị cáo Phan Văn T1.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh M dùng gậy đánh gây thương tích cho anh Phan Xuân T2 và Nguyễn Quang P. Nguyễn Quang P dùng gậy đánh gây thương tích cho Nguyễn Minh M nhưng chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã xử lý hành chính đối với Nguyễn Minh M và Nguyễn Quang P là phù hợp.

Vì vậy, nội dung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Xuân T2 kháng cáo đã được xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm, mặt khác nội dung kháng cáo vượt quá và không nằm trong phạm vi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến chị D và anh T2 nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị cáo Phan Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. bị hại Nguyễn Minh M thuộc hộ nghèo nên không phyair chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Văn T1, bị hại Nguyễn Minh M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T1 phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 588, 590 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/NQ- HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn T1 phải bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Minh M số tiền 66.578.263 đồng *(Sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy tám nghìn hai trăm sáu ba đồng)* nhưng được trừ số tiền bị cáo đã nộp để bồi thường tại Chi cụ thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh gồm 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* thể hiện tại biên lai thu tiền số 0004882 ngày 06/02/2023 và 51.578.263 đồng *(Năm mốt triệu năm bảy tám nghìn hai trăm sáu ba đồng)* thể hiện tại biên lai thu tiền số 0004888 ngày 13/3/2023. Bị cáo đã nộp đủ tiền bồi thường.

2. Về án phí: Áp dụng điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, đ khoản 2 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Văn T1 phải chịu 2.578.913 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phan Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị D, Phan Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- PV06 - Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp;
- CA; VKS; TA; THA cấp sơ thẩm;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Hoàng